TRƯỜNG ĐH ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH
**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐH NĂM 2018**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Nam Định, ngày 14 tháng 08 năm 2018*

# BIÊN BẢN ĐIỂM TRÚNG TUYỂN
# KỲ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG NĂM 2018

*Ngành: Đại học LTVLVH Điều dưỡng từ trung cấp đào tạo tại Hà Nội*

| **ƯU TIÊN** | | *Khu vực 3* | *Khu vực 2* | *Khu vực 2NT* | *Khu vực 1* | **TỔNG** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| *Không ưu tiên* | *Điểm trúng tuyển* | *17.75* | *17.5* | *17.25* | *17.0* | |
| | Số người đạt điểm TT | **3** | **10** | **1** | **2** | **16** |
| *Ưu tiên 2* | *Điểm trúng tuyển* | *16.75* | *16.5* | *16.25* | *16.0* | |
| | Số người đạt điểm TT | **1** | **8** | **4** | **1** | **14** |
| *Ưu tiên 1* | *Điểm trúng tuyển* | *15.75* | *15.5* | *15.25* | *15.0* | |
| | Số người đạt điểm TT | | | | **1** | **1** |
| **TỔNG SỐ NGƯỜI ĐẠT ĐIỂM TRÚNG TUYỂN** | | **4** | **18** | **5** | **4** | **31** |

**TM.HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

**Lê Thanh Tùng**

TRƯỜNG ĐH ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH
**HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2018**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
# ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG VỪA LÀM VỪA HỌC ĐIỀU DƯỠNG TỪ TRUNG CẤP
# LIÊN KẾT ĐẶT LỚP TẠI TRƯỜNG TRUNG CẤP Y DƯỢC LÊ HỮU TRÁC

| STT | Họ và tên | | Ngày Sinh | Hộ khẩu thường trú | ĐT ƯT | Khu vực | Điểm xét tuyển môn Toán | Điểm xét tuyển môn Hóa | Điểm xét tuyển môn Sinh | Tổng điểm xét tuyển | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Uông Tuấn | Anh | 12/04/1985 | Huyện Đan Phượng - TP Hà Nội | | KV2 | 5,20 | 6,17 | 6,67 | 18,25 | |
| 2 | Cao Thị Vân | Anh | 20/08/1992 | Quận Hoàng Mai - TP Hà Nội | 7 | KV1 | 6,30 | 6,63 | 6,20 | 21,00 | |
| 3 | Nguyễn Thị | Ánh | 23/05/1989 | Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội | 7 | KV2 | 6,10 | 6,60 | 6,73 | 20,75 | |
| 4 | Nguyễn Thị Xuân | Hảo | 15/07/1981 | Quận Long Biên - TP Hà Nội | 6 | KV2 | 6,53 | 5,57 | 6,23 | 19,50 | |
| 5 | Nguyễn Thị | Hiền | 29/08/1991 | Quận Cầu Giấy - TP Hà Nội | 7 | KV2NT | 6,43 | 6,17 | 5,80 | 20,00 | |
| 6 | Nguyễn Văn | Hiển | 02/09/1992 | Quận Long Biên - TP Hà Nội | | KV2 | 6,57 | 5,67 | 6,57 | 19,00 | |
| 7 | Trần Thị | Hoa | 10/02/1983 | Quận Cầu Giấy - TP Hà Nội | | KV2 | 5,53 | 5,90 | 5,97 | 17,75 | |
| 8 | Vũ Mạnh | Hồng | 13/03/1985 | Quận Bắc Từ Liêm - TP Hà Nội | 7 | KV2NT | 5,53 | 5,43 | 5,17 | 17,75 | |
| 9 | Lê Quốc | Huấn | 26/01/1988 | Quận Hà Đông - TP Hà Nội | | KV1 | 5,60 | 5,47 | 6,07 | 18,00 | |
| 10 | Trần Thị | Hương | 01/02/1989 | Quận Cầu Giấy - TP Hà Nội | | KV2 | 6,50 | 6,57 | 6,47 | 19,75 | |
| 11 | Nguyễn Đình | Hưởng | 10/10/1992 | Quận Hà Đông - TP Hà Nội | | KV1 | 5,67 | 6,10 | 7,13 | 19,75 | |
| 12 | Nguyễn Thị Diễm | Khánh | 15/05/1990 | Quận Bắc Từ Liêm - TP Hà Nội | | KV2 | 5,83 | 5,97 | 5,67 | 17,75 | |
| 13 | Lưu Thị | Liên | 25/11/1990 | Quận Tây Hồ - TP Hà Nội | | KV3 | 5,97 | 6,03 | 7,73 | 19,75 | |
| 14 | Dương Thị | Linh | 22/05/1987 | Quận Hà Đông - TP Hà Nội | | KV2 | 6,50 | 6,17 | 6,40 | 19,25 | |
| 15 | Nguyễn Hoàng | Long | 12/04/1990 | Quận Hai Bà Trưng - TP Hà Nội | 7 | KV3 | 8,13 | 6,77 | 7,13 | 23,00 | |
| 16 | Đặng Thị Bích | Ngọc | 01/06/1994 | Huyện Mỹ Lộc - Nam Định | | KV2NT | 6,97 | 6,37 | 6,97 | 20,75 | |
| 17 | Nguyễn Thị | Phương | 28/11/1989 | Huyện Gia Lâm - TP Hà Nội | | KV2 | 6,40 | 6,53 | 7,40 | 20,50 | |
| 18 | Nguyễn Thị | Phương | 22/05/1986 | Huyện Phú Xuyên - TP Hà Nội | 7 | KV2 | 5,37 | 6,40 | 6,80 | 19,75 | |
| 19 | Tạ Thị Ngọc | Quỳnh | 28/12/1990 | Huyện Thường Tín - TP Hà Nội | | KV2 | 6,80 | 7,13 | 7,87 | 22,00 | |
| 20 | Nguyễn Đức | Sáng | 09/11/1983 | Huyện Đan Phượng - TP Hà Nội | 7 | KV2 | 5,40 | 6,47 | 5,90 | 19,00 | |

| STT | Họ và tên | | Ngày Sinh | Hộ khẩu thường trú | ĐT ƯT | Khu vực | Điểm xét tuyển môn Toán | Điểm xét tuyển môn Hóa | Điểm xét tuyển môn Sinh | Tổng điểm xét tuyển | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 21 | Trần Thị | Sen | 06/05/1986 | Quận Hoàng Mai - TP Hà Nội | 7 | KV2NT | 5,77 | 5,17 | 5,87 | 18,25 | |
| 22 | Đặng Thị | Thuận | 19/04/1993 | Huyện Thanh Trì - TP Hà Nội | | KV3 | 6,17 | 6,13 | 6,70 | 19,00 | |
| 23 | Nguyễn Thị | Thùy | 10/04/1983 | Huyện Gia Lâm - TP Hà Nội | 7 | KV2 | 7,47 | 7,67 | 6,70 | 23,00 | |
| 24 | Cao Thanh | Thủy | 19/12/1993 | Huyện Thanh Trì - TP Hà Nội | | KV2 | 6,23 | 6,07 | 6,43 | 19,00 | |
| 25 | Nguyễn Văn | Tiến | 10/10/1983 | Quận Ba Đình - TP Hà Nội | | KV3 | 6,53 | 6,63 | 5,70 | 18,75 | |
| 26 | Nguyễn Thị | Tơ | 18/05/1988 | Huyện Hoài Đức - TP Hà Nội | 7 | KV2 | 7,40 | 6,37 | 8,17 | 23,25 | |
| 27 | Lương Thị | Trang | 16/07/1987 | Huyện Kiến Xương - Thái Bình | 7 | KV2NT | 6,30 | 5,50 | 6,73 | 20,00 | |
| 28 | Đinh Quang | Trường | 18/05/1983 | Huyện Mỹ Đức - TP Hà Nội | 7 | KV2 | 5,13 | 6,20 | 6,03 | 18,50 | |
| 29 | Đào Duy Minh | Tuấn | 29/11/1988 | Huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội | 7 | KV2 | 5,47 | 6,20 | 7,03 | 20,00 | |
| 30 | Nguyễn Thị | Tuyết | 19/06/1985 | Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội | | KV2 | 5,03 | 6,47 | 6,63 | 18,50 | |
| 31 | Lê Thị | Xoan | 09/01/1989 | Quận Nam Từ Liêm - TP Hà Nội | 1 | KV1 | 5,63 | 5,57 | 6,63 | 20,50 | |

Nam Định, ngày 14 tháng 8 năm 2018

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH**

**HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**Trần Trung Dũng**

**Lê Thanh Tùng**